

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+BK8+BK9	7:25	15+7+0	0+0+0		14+4+4	0+0+0	
2		AMD+MRM	7:25	20+0	0+0		18+4	0+0	
3		BK5+P7	7:25	10+12	0+0		7+14	0+0	
4		P4+BK10+TTCl	9:25	21+0+0	0+0+0		15+3+4	0+0+0	
5		P5+P1	9:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
6		P3+AMD	9:25	18+4	0+0		7+15	0+0	
7		P1+RP3	11:25	12+10	0+0		10+12	0+0	
8		CLl+P1+P3	11:25	6+10+6	0+0+0		0+10+12	0+0+0	CHUYEN 1 P1-P3
9		P5+BK5	11:25	21+0	0+0		15+4	0+0	
10		RC5-RP2+P4	13:25	9+5+4	0+0+0		1+5+15	0+0+0	
11		P2+BK3	13:25	22+0	0+0		17+0	0+0	CHUYEN 1 P2-BK3
12		RP1+BK8-BK6	13:25	5+17+0	0+0+0		0+7+4	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY BK5-5 NG. BK8-1NG;

2/ĐỀ NGHỊ CÁC HÀNH KHÁCH VỀ TỪ GIÀN ĐEO KHẨU TRANG PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P2 - BK8 - BK9	CREW: Hôi - CHIẾN - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAGRAMOV	P2	93	1	7	20	97	KH-THAC	Russian
2	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	P2	16	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG MINH ĐỨC	P2	96	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	99	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC HIẾN	P2					55	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAC ĐỨC HUY	P2	95	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRINH BA ĐÔNG	P2	98	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	97	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VĂN ĐÔNG	P2	300	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU VĂN TỰ	P2	13	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC THẮNG	P2	12	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
12	TUÔNG ANH CẠC	P2	94	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG ĐỨC LINH	P2	11	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN NAM	P2	14	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG HUNG	P2	17	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LAM	BK8	38	1	5	40	90	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TẤT HOA	BK8	43	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	44	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THANH SƠN	BK8	40	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SỰ	BK8	39	1	2		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT HUNG	BK8	37	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	15	14	84	1.052	20	14		
2	BK8	6	6	20	433	40	4		
3	BK9	0	0	0	0	30	4		
TOTAL		21	20	104	1.485	90	22		
WEIGHT KG				104	1.485	90			

GRAND TOAL: 1.679 KGS

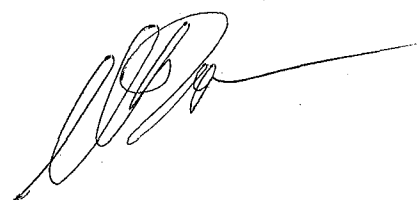
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT:	TO: AMD - MRM	CREW: HUNG - Duong - Luy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN THANH QUANG	AMD	44,71	2	15		76	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN VIET THANG	AMD	39	1	7		68	HLJOC	Vietnamese
3	K LỘC	AMD	32	1	7	50	72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SANH	AMD	15	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN THE (PVDT)	AMD	34-35	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VAN SAU	AMD	28	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET LAM	AMD	29-30	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
8	LE THANH TUNG	AMD	31	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG HIEU	AMD	13-14	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	38	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI SY QUYEN	AMD	500	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THANH HUNG	AMD	42-43	2	20		55	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH HUU TINH	AMD	16	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CONG DUNG	AMD	41	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THANH	AMD	72	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TAN	AMD	36	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	33	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	VU NGOC DUONG	AMD	37	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	DOAN VAN DUNG	AMD	40	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DINH SONG	AMD	17	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	25	162	1.386	50	19		
2	MRM	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		20	25	162	1.386	50	22		
WEIGHT KG				162	1.386	50			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT:	TO: BK5 - P7	CREW: Phong - N.Anh - THU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	BK5	49	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK5					75	KH-THAC	Vietnamese
3	MISHIN	BK5	80	1	5	40	110	NPI	Russian
4	NGUYỄN VĂN DŨNG	BK5	53	1	3		67	NPI	Vietnamese
5	ĐẶNG THẾ ANH	BK5	54	1	5		65	NPI	Vietnamese
6	HOANG NGOC TUNG	BK5	75	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	50	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ HỮU LINH	BK5	56	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG QUANG TUU	BK5	51-52	2	10		70	T-TIN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	55	1	5		100	PSV	Vietnamese
11	ĐÀO ĐỨC HUNG	P7	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CUONG	P7					84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HUNG	P7	58	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN LỢI	P7	48	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI TRỌNG AN	P7	53	1	5	80	65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	54	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THIÊN	P7	49	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG VINH	P7	56	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH BA NINH	P7	50	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG TÂN	P7	55	1	5		64	PSV	Vietnamese
21	HOANG VIET HUNG	P7	57	1	5		76	PSV	Vietnamese
22	MAI VĂN TOÀN	P7	51	1	10		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	10	10	49	763	40	7		
2	P7	12	11	79	828	80	14		
TOTAL		22	21	128	1.591	120	21		
WEIGHT KG				128	1.591	120			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: P4 - BK10 - TTC1	CREW: Hôi - CHIẾN - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE XUAN QUY	P4	56-57	2	6	40	75	YTE	Vietnamese
2	VU MANH HA	P4	64	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHONG	P4					80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUY THAI	P4	65	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
5	VU BAO AN	P4	46	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG HUU HAU	P4	48	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THAI SON	P4	62	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN HOANG	P4	63	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MINH TUAN	P4	58	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN NGOC TUAN	P4	50	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NHAN HAI	P4	53	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN KHANH	P4	51	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ANH DUNG	P4	68	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN KHOAI	P4	53	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN SON	P4	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	KHUONG VAN THAO	P4	61	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO SY KHOA	P4	47	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	HA TAN DUNG	P4	52	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI QUANG SON	P4	59	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DO MANH DUNG	P4	49	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HONG TRUNG	P4	60	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	21	21	108	1.504	40	14		
2	BK10	0	0	0	0	35	4		
3	TTC1	0	0	0	0	60	4		
TOTAL		21	21	108	1.504	135	22		
WEIGHT KG				108	1.504	135			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT:	TO: P5 - P1	CREW: HUNG - Duong - Luy	ETA: 11:15
Hệ thống 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG MINH TÂN	P5	15	1	10		80	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	16	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH TUÂN	P5	18-19	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG BA VINH	P5	17	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ QUANG THĂNG	P5					85	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU VĂN ĐẠT	P5	20	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P5	27	1	5	100	68	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	23-24	2	20		77	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN MẠNH	P1					84	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ DỤC TUYẾN	P1	21	1	5		80	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH VĂN THĂNG	P1	20	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN THĂNG	P1	18	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG THỌ	P1					83	KH-THAC	Vietnamese
14	VI KHÁC THÀNH	P1	14	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯU VĂN TUÂN	P1	22	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC BÓN	P1	16-17	2	16		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN KHANH DUY	P1	15	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ DUY KHANH	P1	19	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG TIẾN	P1	13	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN TỰ	P1	25	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	26	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI HUY NGHIỆP	P1	12	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	7	7	41	496	100	4		
2	P1	15	15	90	1.067	0	18		
TOTAL		22	22	131	1.563	100	22		
WEIGHT KG				131	1.563	100			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: P3 - AMD	CREW: Phong - N.Anh - THỤ	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐỨC HIẾU	P3	62-63	2	10		58	YTE	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P3	57	1	6	50	77	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P3	49	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CỬU	P3	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN ĐẠM	P3	46	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN MINH HOAI	P3	51	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ MẠNH HÙNG	P3	52-53	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI SY CÔNG	P3	54	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THIÊN THANH	P3	55	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	47-48	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	56	1	15		90	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ TRUNG KIẾN	P3	50	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN ĐỨC	P3	39	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN HỒNG HAI	P3	43	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
15	DUƠNG CÔNG ĐĂNG	P3	42	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ KHUÔNG	P3	41	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P3	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN CHUÔNG	P3	44	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	AMD	56	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CHÍ CƯỜNG	AMD	57-58	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN DOAN DUAN	AMD	55	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	18	21	148	1.262	50	7		
2	AMD	3	4	25	201	0	15		
TOTAL		21	25	173	1.463	50	22		
WEIGHT KG				173	1.463	50			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	TO: P1 - RP3	CREW: ATUẤN - Hồi - NNam	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	30	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	28	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO ĐĂNG PHONG	P1	40	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG YÊN	P1	33	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NGHĨA	P1	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH HIẾU	P1	34	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	31	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN DUY	P1	29	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P1					60	KH-THAC	Vietnamese
10	IVANOV MAXIM	P1	36-37	2	19		110	XAYLAP	Russian
11	LÊ HỒNG HÂN	P1	38-39	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
12	VÕ VĂN HIỆP	P1	35	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
13	TẠ PHI KHÁNH	RP3	45	1	2		73	KHI	Vietnamese
14	LẠI VĂN MINH	RP3	46	1	4		70	KHI	Vietnamese
15	LÊ HAI HOA	RP3	44	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	42	1	3		67	PSV	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN DUY	RP3	48	1	8		65	PSV	Vietnamese
18	VŨ NGỌC HÙNG	RP3	47	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	BUI LONG HUNG	RP3	43	1	8		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP3	40	1	3		52	PSV	Vietnamese
21	PHAN SỸ CAO	RP3	41	1	3		63	PSV	Vietnamese
22	TRẦN BÀ MẠU	RP3	35	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

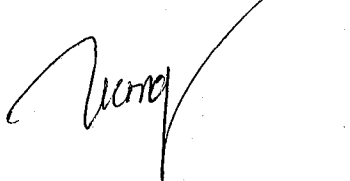
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	12	13	84	856	0	10		
2	RP3	10	10	44	668	0	12		
TOTAL		22	23	128	1.524	0	22		
WEIGHT KG				128	1.524	0			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

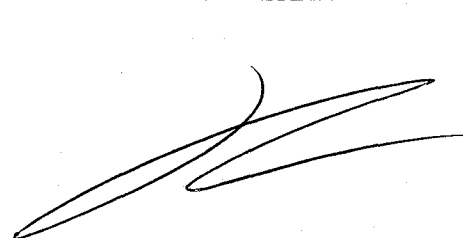
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	TO: CLI - P1 - P3	CREW: Khang - KHOÀN - Toan	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TOÀN	CLI	70-71	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	CLI	68	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
3	LƯU VĂN DÂN	CLI	67	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
4	HÀ QUANG HUY	CLI	66	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
5	ĐINH MAI THIÊN	CLI	65	1	5		71	CODIEN	Vietnamese
6	ĐẶNG TRỌNG DUNG	CLI	69	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
7	DƯƠNG SỸ CHIẾN	P1	64	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN TUNG	P1	65	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	P1	68-69	2	10		85	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐINH QUANG THÁI	P1	70-71	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐO DẠNH NGỌC	P1	57-58	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN BA QUY	P1	61-62	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VIỆT CUONG	P1	66-67	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN SĨ HAI	P1	63	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN HỒNG THANH	P1	56	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
16	CÙ CHÍ CÔNG	P1	59	1	12	17	62	XAYLAP	Vietnamese
17	TRỊNH HOÀNG NGUYỄN	P3	66	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	CHERNHIADEV	P3	67	1	8		71	NIPI	Russian
19	NGUYỄN TIẾN THẮNG	P3	64	1	5		52	NIPI	Vietnamese
20	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P3	68	1	8		75	GETRACO	Vietnamese
21	HÀ KIM LINH	P3	65	1	5		48	GETRACO	Vietnamese
22	TRẦN CAO MONG	P3	69	1	5		55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	6	7	57	404	0	0		CHUYEN 1 PAX TU P1 SANG P3
2	P1	10	15	140	674	17	10	+1	
3	P3	6	6	36	367	0	12		
TOTAL		22	28	233	1.445	17	22		
WEIGHT KG				233	1.445	17			

GRAND TOTAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 09	TO: P5 - BK5	CREW: Vận - NPhú - DTùng	ETA: 13:20
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN BẮC	P5					74	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUANG PHÚC	P5	42	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5					80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỒNG VĂN THỊNH	P5	43	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	39	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC THANH	P5	35-36	2	8		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỒNG GIANG	P5	41	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TUYẾT	P5	45	1	17		74	DVL	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐẠM	P5	44	1	5		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH THAO	P5	46	1	19		70	DVL	Vietnamese
11	PHAN THANH TỊNH	P5	47	1	15		74	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG BIÊN	P5	54	1	8		69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC QUANG	P5	48	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TRUNG	P5	52-53	2	14		74	XAYLAP	Vietnamese
15	NHÂM NGỌC THANH	P5	50-51	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN SỸ ANH TU	P5	55	1	20	22	78	XAYLAP	Vietnamese
17	HÀ VĂN PHONG	P5	49	1	7		59	XAYLAP	Vietnamese
18	TU VĂN SƠN	P5	37	1	3		80	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LOAN	P5	40	1	5		45	PSV	Vietnamese
20	PHẠM PHU BÌNH	P5	38	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	20	21	181	1.401	22	15		
2	BK5	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	21	181	1.401	22	20		
WEIGHT KG				181	1.401	22			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 13:30
FLIGHT: 10	TO: RC5 - RP2 - P4	CREW: ATUẤN - Hòì - N Nam	ETA: 15:10
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH VU	RC5	07-08	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC HUNG	RC5	14	1	10	15	63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN MINH NGOC	RC5	09-10	2	20	29	87	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG NGOC ANH CHIEN	RC5	15	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGO DINH NHAT MINH	RC5	11-13	3	20		77	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN HONG QUYET	RP2	11-12	2	14		61	CODIEN	Vietnamese
7	HOANG XUAN HUY	RP2	02-03	2	20	40	61	XAYLAP	Vietnamese
8	THOI QUOC TUAN	RP2	13	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN THE NGUYEN	RP2	10	1	5		74	XAYLAP	Vietnamese
10	TO THANH PHONG	RP2	06-07	2	11		62	XAYLAP	Vietnamese
11	DAO MINH HAI	RP2	04-05	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN PHUONG	RP2	08	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN QUY HIEU	RP2	09	1	7		77	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN DUY CANH	RP2	01	1	5		54	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYEN DUC NHAN	P4	03	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MANH CUONG	P4	01	1	4	20	66	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN HONG DUONG	P4	04-05	2	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VIET THUAN	P4	02	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	5	9	78	375	44	0		
2	RP2	9	13	97	586	40	2		
3	P4	4	5	21	263	20	16		
TOTAL		18	27	196	1.224	104	18		
WEIGHT KG				196	1.224	104			

GRAND TOAL: 1.524 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:35
FLIGHT: 11	TO: P2 - BK3	CREW: Khang - KHOÀN - Toan	ETA: 15:15
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	48	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	47	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THỌ DUNG	P2					61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HÀ	P2	34	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
5	K LING	P2	35	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THAI BÌNH	P2	50	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN THẬP	P2	53-54	2	16		55	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ SINH TÂM	P2					93	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ NGỌC DUNG	P2	36-37	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁC LAM	P2	32-33	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	30-31	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC SƠN	P2	28-29	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN SƠN	P2	51-52	2	14	63	60	TRUONGV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUI	P2	43	1	5		71	TRUONGV	Vietnamese
15	LÊ MINH NGÀ	P2	49	1	5		55	TRUONGV	Vietnamese
16	PHÙNG HOÀNG AN	P2	44	1	5		60	TRUONGV	Vietnamese
17	VŨ VĂN GIANG	P2	46	1	15		64	TRUONGV	Vietnamese
18	VI ĐỨC TỰ	P2	41-42	2	12		60	TRUONGV	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN THANH	P2	45	1	7		57	TRUONGV	Vietnamese
20	PHẠM VĂN LUƠNG	P2	40	1	5		59	TRUONGV	Vietnamese
21	ĐỖ ĐÌNH TRƯỞNG	P2	38-39	2	15		58	TRUONGV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	27	173	1.347	63	21	1	CHUYEN 1 PAX P2 SANG BK3
2	BK3	0	0	0	0	45	0		
TOTAL		21	27	173	1.347	108	21		
WEIGHT KG				173	1.347	108			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 13:40
FLIGHT: 12	TO: RP1 - BK8 - BK6	CREW: Vận - NPhú - DTùng	ETA: 15:20
HONG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ THÁI HÀ	RP1	33	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAM NAM THANG	RP1	16	1	12		109	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN PHÚC NGUYỄN	RP1	20-21	2	12		82	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG QUANG HUNG	RP1	22-23	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG ĐÌNH HOÀ	RP1	24-25	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC ĐOAI	RP1	17	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG QUYỀN	RP1	28	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÂN	RP1	18	1	15		54	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN VƯỢNG	RP1	19	1	15	20	79	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ TUẤN ANH	RP1	30-31	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH VĂN THIÊN	RP1	26-27	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC HOÀN	RP1	35	1	7		67	PSV	Vietnamese
13	HA QUỐC VINH	RP1	37	1	8		68	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	32	1	5		80	PSV	Vietnamese
15	LÊ VĂN QUÝ	RP1	36	1	10		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	34	1	4		72	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG MẠNH	RP1	29	1	5		80	PSV	Vietnamese
18	LE NGOC AN	BK6	33	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU QUYNH AN	BK6	32	1	10		105	KH-THAC	Vietnamese
20	VU VAN HIEU	BK6	36	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN PHE	BK6	35	1	8	45	65	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN DUC	BK6	34	1	5		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	17	22	191	1.223	20	7		
2	BK8	0	0	0	0	0	4		
3	BK6	5	5	33	363	45	5		
TOTAL		22	27	224	1.586	65	16		
WEIGHT KG				224	1.586	65			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+CTK3+P8	7.25	17+4+1	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
2		TD1+TD5+CTC1	7.25	14+0+4	0+0+0		15+0+7	0+0+0	CHUYEN 2 PAX TD1-TD5

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD1 - TD5 - CTC1	CREW: Vận - VLin - NNam	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	62	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN NAM	TD1	64	1	9	20	82	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	63	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ QUỐC BẢO	TD1	54	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	51	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG ANH TUẤN	TD1	57	1	2		84	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ TOÀN THẮNG*PK-PVD	TD1	53	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	60	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	52	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG NGỌC QUÂN*TN-PVD	TD1	55-56	2	11		72	KHOAN	Vietnamese
12	VĂN BA KHANH TRINH	TD1	59	1	10	14	92	PVD TRAI	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LÂM	TD1	61	1	7		58	PVD TRAI	Vietnamese
14	ĐẶNG TRỌNG THỨC	TD1	66	1	5	7	70	DVL	Vietnamese
15	LÊ VĂN CẨM	CTC1	01-02	2	12		62	NHATHAU	Vietnamese
16	LÊ VĂN DŨNG	CTC1	03	1	3	40	52	NHATHAU	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH QUANG	CTC1	06	1	4	14	60	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	14	77	999	41	15+2		CHUYEN 2 PAX TU TD1 SANG TD5
2	TD5	0	0	0	0	0	0		
3	CTC1	3	4	19	174	54	7		
TOTAL		17	18	96	1.173	95	22		
WEIGHT KG				96	1.173	95			

GRAND TOAL: 1.364 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CLO - CTK3 - P8	CREW: LHM - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	06-07	2	20		91	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO					80	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ THÈ NANG	CLO	94	1	4	18	58	KHOAN	Vietnamese
4	ĐANG KIM DƯƠNG	CLO	96	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN LÝ	CLO	93	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	HA QUỐC DUNG-PVD	CLO	89	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN LONG	CLO	92	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN ĐÔNG	CLO	95	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM NAM HAI	CLO	91	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
10	VĂN ĐÌNH QUANG	CLO	99,700	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN TRỰC	CLO	11	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀI NAM	CLO	12-13	2	16		59	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TUÔNG	CLO	97-98	2	17		81	DVL	Vietnamese
14	TRẦN CÔNG CHIẾN	CLO	88	1	12		75	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	14	1	11	18	68	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN THIỆU BÌNH	CLO	09	1	10	20	60	DVL	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN AI	CLO	90	1	4		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRI TIN	CTK3					80	SAN BAY	Vietnamese
19	NGUYỄN TÚ THẮNG	CTK3	49,30	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN BÌNH LONG	CTK3	31	1	4	20	80	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HÙNG	CTK3					85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH LÊ	P8	54	1	5		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	20	148	1.186	56	17		+INB VE: NGOI GHE PHU ve
2	CTK3	4	3	14	305	20	4		
3	P8	1	1	5	65	0	1		
TOTAL		22	24	167	1.556	76	22		
WEIGHT KG				167	1.556	76			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/03/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+BK3+BK14	7:25	14+0+5	0+0+0		11+2+8	0+0+0	
2		VSP01+TD2	9:25	7+15	0+0		0+21	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	TO: P5 - BK3 - BK14	CREW: Hồi - MTHAO - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P5					78	KHOAN	Vietnamese
2	VANEEV D.V	P5	58	1	10	17	100	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN TRỌNG THUY	P5					68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HẬU	P5	63	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM QUANG NGŨ	P5	61	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
6	NG HỮU NAM*PK-PVD	P5	62	1	9		90	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HUYNH	P5	68	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	NG XUÂN QUANG-PVDT	P5	64	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH HUNG	P5	60	1	9		54	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN HÒA	P5	67	1	9	15	75	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH TRUNG NGHĨA	P5	65	1	3	61	68	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN DOANH	P5					70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN NGỌC	P5	66	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
14	TÀNG TIẾN TOÀN	BK14	48	1	13	20	80	DVL	Vietnamese
15	PHẠM HAI LONG	BK14	33,98	2	11		79	DVL	Vietnamese
16	PHẠM VĂN SANG	BK14	32	1	12		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	BK14	28-29	2	15		73	DVL	Vietnamese
18	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	BK14	99,400	2	16		71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

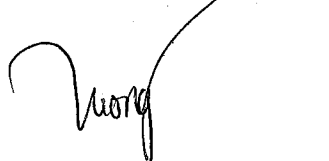
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	13	10	79	954	93	11		
2	BK3	0	0	0	0	60	2		
3	BK14	5	8	67	373	20	8		
TOTAL		18	18	146	1.327	173	21		
WEIGHT KG				146	1.327	173			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	TO: VSP01 - TD2	CREW: Hồi - MTHAO - DTùng	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TÍNH	VSP01	600,50	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG LỘC	VSP01	94	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LÊM	VSP01	26	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ ANH TUẤN	VSP01	95-96	2	10	39	71	CODIEN	Vietnamese
5	HOÀNG HỮU TRỌNG	VSP01	98	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN GIANG	VSP01	97	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
7	NÔNG MINH HAI	VSP01	99	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
8	BUI VĂN CHÍNH	TD2	49	1	4	20	80	KHOAN	Vietnamese
9	DOROSHENKO M.K	TD2	96	1	9	50	94	KHOAN	Russian
10	TELESHENKO I.A	TD2	38	1	14		118	KHOAN	Russian
11	GROMOV S.A	TD2	44	1	11		85	KHOAN	Russian
12	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	47	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
13	LY ANH TUẤN	TD2	51	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN BÁC	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
15	CAO ĐÌNH THANH	TD2	97	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ VĂN BÁC	TD2	46	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	HOÀNG ĐÌNH THẮNG	TD2	98	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
18	TRỊNH QUANG HUY	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	45	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN HUNG	TD2	50	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM HỮU HUÂN	TD2	48	1	12		64	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DUY KHANG	TD2	99,900	2	11		85	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	7	9	79	487	39	0		
2	TD2	15	14	96	1.184	70	21		
TOTAL		22	23	175	1.671	109	21		
WEIGHT KG				175	1.671	109			

GRAND TOAL: 1.955 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

